TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 03 - 7 - 2023
T/chấp "*Đòi tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: BàNguyen Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Nguyen Thi Lan P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bui Thi Be D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa: Ông Tran Hoang T- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 và ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 tranh chấp về việc "*Đòi tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2023 và và quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2023/QĐST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Ông Nguyen Tien B, sinh năm 1962; nơi thường trú tại nhà số 210, Đường 14/9, Phương 5, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.*

**Đại diện ủy quyền: Bà Nguyen Hong L, sinh năm 1989; nơi thường trú tại nhà số 54/9A, Khom 3, Phuong 3, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L (văn bản ngày 30/3/2022).* (có mặt)

- Bị đơn:

2. *Ông Nguyen Thanh T, sinh năm 1962* (có mặt)

3. *BàĐo Thi Tuyet V, sinh năm 1966* (có mặt)

Cùng nơi trú tại nhà số F59, đường Đinh Tien H, Phương 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4. *Anh Le van T, sinh năm 1986* (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 232L, đườngNguyen Van L, Khom 5, Phương 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

5. *Chị Đo Thi Tuyet T, sinh năm 1993* (vắng mặt theo đơn)

Hộ khẩu thường trú số F59, đường Đinh Tien H, Phương 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Hiện tại Đo Thi Tuyet T đang bị tạm giam tạiTrai tam giam Cong an tinh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2022 và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyen Hong L trình bày: Ông T và bà V có mua các mặt hàng đồ gốm sứ của ông B từ năm 2017. Trong thời gian giao dịch mua bán gốm sứ, ông T sử dụng tên gọi khác là Sơn nên sổ sách ông B ghi tên "Sơn". Đến khi khởi kiện thì mới biếtông S có tên khai sinh là Tâm.

Bắt đầu từ năm 2020, ông T và bà V mua gốm sứ thiếu nợ nhiều lần và có trả bớt số tiền nợ. Đến ngày 13/5/2021, bà V ký giấy nợ tiền gốm sứ tổng cộng 118.880.000 đồng và có trả nợ 3.000.000 đồng. Đồng thời, bà V hứa vào 15 tây tháng 5 bắt đầu trả gốc 01 tháng 3.000.000 đồng, biên nhận này chỉ có bà V ký nợ, ông T không có ký tên. Bà V và ông T có trả tiền cho ông B tổng cộng 12.000.000 đồng, sổ sách do ông B ghi chép cụ thể sau:

- Ngày 15/5/2021 bà V trả 3.000.000 đồng

- Ngày 15/6/2021ông S trả 3.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2021ông S trả 2.500.000 đồng.

- Ngày 05/12/2021 bà V trả 2.000.000 đồng và trả lại bộ tách trị giá 500.000 đồng. Tổng cộng bà V trả 2.500.000 đồng.

- Ngày 02/01/2022ông S trả 1.000.000 đồng.

Từ ngày 03/01/2022 cho đến nay, ông B đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà V trả nợ nhưng không trả. Nay ông B yêu cầu bàĐo Thi Tuyet V và ông Nguyen Thanh T cùng liên đới trả số tiền gốm sứ còn nợ 106.000.000 đồng, ông B không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi bản án có hiệu lực và thi hành án, ông T và bà V không trả thì phải chịu tiền lãi theo quy định pháp luật.

* Bà L đại diện ủy quyền cho ông B giải thích khoản tiền 3.000.000 đồng ngày 13/5/2021 và số tiền 3.000.000 đồng ngày 15/5/2021 như sau: Theo yêu cầu của bà V ghi cho phù hợp ngày hứa 15 tây hàng tháng trả tiền gốm sứ nên ông B ghi hợp thức hóa số tiền 3.000.000 đồng ngày 13/5/2021 thành ngày 15/5/2021. Thực tế ông B chỉ có nhận 3.000.000 đồng trong tháng 5 năm 2021. Hiện tại bà V và ông T còn nợ 118.880.000 đồng, trừ vào số tiền đã trả từ ngày 15/5/2021 (tức ngày 13/5/2021 đến

ngày 02/01/2022) tổng số tiền 12.000.000 đồng thì còn nợ tiền gốm sứ 106.880.000 đồng. Ông B giảm cho bà V và ông T số tiền 880.000 đồng nên chỉ khởi kiện và yêu cầu trả số tiền còn nợ lại tại thời điểm hòa giải (07/4/2023) là 106.000.000 đồng.

- Theo lời khai của bà V tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2022, bà V không nhìn nhận chữ ký tên của bà V tại biên nhận nợ 118.880.000 đồng ngày 13/5/2021. Bà V nhìn nhận chữ ký tên của bà V tại dòng chữ có nội dung "15 tây tháng 5 bắt đầu gốc 1 tháng Ba triệu". Nay bà V, không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký tên của bà V.

- Ông B nộp tài liệu, chứng cứ ghi chép nội dung mua bán hàng gốm sứ choông S và bà V. Bà L giải thích trang 01, ông T và bà V mua hàng hóa ngày 10/8/2020 và ngày 11/8/2020; Trang 02, mua hàng hóa ngày 12/8/2020, có ghi thêm mua hàng ngày 21/9/2020; Trang 3, mua hàng hóa ngày 20/8/2020; Trang 4, mua hàng hóa ngày 28/9/2020; Trang 5, ghi ngày ông T trả tiền của những ngày 10 và ngày 28/9 và ngày 14/10/2020; Trang 6, ghi ngày ông T trả tiền ngày 21/10 và ngày 20/11/2020; Trang 7, mua hàng hóa ngày 25/11/2020.

- Bà V trình bày: Bà V xác nhận có viết biên nhận nợ ngày 13/5/2021, ghi họ tênĐo Thi Tuyet V nợ số tiền 118.880.000 đồng. Nhưng về chữ ký tên trong cùng biên nhận 13/5/2021 thì chữ ký tại trang đầu không phải chữ ký của bà V, chữ ký thứ hai là đúng chữ ký của bà V. Hai chữ ký này hoàn toàn khác nhau, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 01/6/2022 sẽ nộp đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và nộp tiền tạm ứng chi phí giám định cho Tòa án. Nếu hết thời hạn 15 ngày mà không nộp đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và nộp tạm ứng chi phí trưng cầu giám định thì xem như từ bỏ yêu cầu. Bà V xác định ngoài biên nhận nợ ngày 13/5/2021 đối với số tiền 118.880.000 đồng thì không có nợ ông B số tiền nào khác, cùng ngày 13/5/2021 bà V có trả cho ông B số tiền 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền 118.880.000 đồng này là nợ của con gái Đo Thi Tuyet T và con rễ Le van T. Do Tuyết Trinh bị tạm giam ở tỉnh Long An nên bà V viết giấy nợ thay cho Tuyết Trinh, không nghĩ là viết giấy nợ thay thì phải trả nợ cho ông B.

Bà V xác định không có quen biết quan hệ làm ăn gì với ông B, không biết số tiền đã trả nợ cho ông B 12.000.000 đồng. Ngày 13/5/2021, bà V chỉ trả nợ thay cho Tuyết Trinh số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 9.000.000 đồng có thể do Tuyết Trinh trả cho ông B. Bà V không có nợ tiền ông B nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Bị đơn ông Nguyen Thanh T trình bày: Thống nhất phần trình bày của bà V, không có ký tên hay biết gì số tiền nợ 118.880.000 đồng của biên nhận ngày 13/5/2021 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Le van T có tường trình ngày 15/6/2023 rằng: Anh T, chị T có giao dịch mua bán vật dụng sinh hoạt gia đình, có trả tiền và còn thiếu tiền ông B nên có nhờ bà V đứng ra làm giấy nợ giúp giao cho ông B để làm tin. Khi Tuyết Trinh bị tạm giữ, ông B khởi kiện bà V và ông T, yêu cầu trả nợ

thay tiền gốm sứ do anh T và chị T nợ. Thực tế, bà V và ông T chưa từng mua bán hàng gốm sứ với ông B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đo Thi Tuyet T có tường trình ngày 15/6/2022 và lời khai ngày 07/3/2023 rằng: Chị T và ông B quen biết thông qua việc giao dịch mua bán gốm sứ các loại vật dụng gia đình từ năm 2019 và năm 2020 cho đến khi chị T bị bắt tạm giam. Chị T còn nợ tiền gốm sứ khoảng hơn 100.000.000 đồng, không nhớ chính xác có viết biên nhận nợ với ông B hay không. Chị T khẳng định tiền nợ gốm sứ này, không có nhờ bất kỳ ai trả nợ thay dùm, không có nhờ mẹ ruộtĐo Thi Tuyet V trả nợ thay. Chị T không biết biên nhận nợ ngày 13/5/2021 giữa bà V và ông B, chị T không có nợ ông B số tiền 118.880.000 đồng. Chị T giải thích nội dung tờ trình ngày 15/6/2022 rằng, chị T viết tờ trình tại thời điểm đã bị tạm giam và thời điểm ông B đã khởi kiện bà V nên chị T có nhờ bà V giải quyết dùm các khoản tiền nợ gốm sứ với ông B, không có nói rõ cách thức giải quyết như thế nào. Chị T không có tài liệu, chứng cứ nào để xuất trình nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không xuất trình chứng cứ gì thêm. Bà L khai, ông T, bà V và ông B có mua bán đồ gốm sứ với từ năm 2017. Thời gian mua bán gốm sứ, ông T sử dụng tên gọi khác là Sơn nên sổ sách ông B ghi tên "Sơn". Bắt đầu từ năm 2020, ông T và bà V mua gốm sứ thiếu nợ nhiều lần và có trả bớt tiền nợ, cho đến ngày 13/5/2021 bà V ký tên xác nhận nợ tiền gốm sứ tổng cộng 118.880.000 đồng. Ông B kiện bà V và ông T trên cơ sở lời thừa nhận của bà V có viết giấy nợ ngày 13/5/2021 và sổ sách được phía ông B ghi chép số liệu phù hợp số liệu giấy nợ ngày 13/5/2021, cụ thể:

- Ngày 10/8/2020 tổng số hàng hóa ông T, bà V mua tổng cộng 14.680.000 đồng, có trả lại hàng hóa (bình gốm 800.000 đồng) và trả tiền (Đại bàng 1.500.000 đồng), còn nợ lại 12.380.000 đồng. Tiếp theo ông T mua hàng hóa cho đến ngày 11/8/2020 tổng giá trị hàng hóa là 10.800.000 đồng, trả tiền địa ngũ sắt 1.000.000 đồng, đại bàng nhỏ 1.200.000 đồng và trả lại bình rượu gốm 800.000 đồng, còn nợ lại 7.800.000 đồng. Theo sổ sách từ ngày 10/8/2020 đến ngày 11/8/2020 thìông S (tức là ông T) và bà V còn nợ tổng cộng 20.180.000 đồng.

- Ngày 12/8/2020ông S lãnh mua đồ sô, giá 50.000 đồng/1kg, tổng cộng 455 kg bằng trị giá 22.750.000 đồng.

- Ngày 20/8/2020, tổng giá trị hàng hóa mua 22.880.000 đồng.

- Ngày 21/9/2020ông S lãnh mua 741 kg, giá 50.000 đồng bằng số tiền 37.050.000 đồng và giá thủy tinh 1.400.000 đồng. Tổng cộng 38.450.000 đồng.

Ông B kết sổ ngày 21/9/2020, tổng giá trị hàng hóaông S còn nợ 83.280.000 đồng (trong đó bao gồm các khoản: 22.080.000 đồng + 22.750.000 đồng + 38.450.000 đồng).

- Ngày 28/9/2020,ông S lãnh mua 1144kg x 50.000 đồng bằng 57.200.000 đồng. Như vậy từ ngày 10/8/2020 đến ngày 28/9/2020 tổng các khoảnông S còn nợ

140.480.000 đồng. Theo sổ sách ghi chép,ông S và bà V có số trả tiền 20.000.000 đồng vào ngày 28/9/2020; ngày 10/9/2020 trả 7.000.000 đồng; ngày 31/10/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 21/10/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 20/11/2020 trả 5.000.000 đồng. Tổng cộng 42.000.000 đồng nên tại thời điểm ngày 20/11/2020, ông T còn nợ 98.480.000 đồng.

- Ngày 25/11/2020, ông T mua thêm 12 cây ĐH (đồng hồ) giá 1.700.000 đồng bằng 20.400.000 đồng. Do đó vào ngày 13/5/2021 bà V ký nhận nợ 118.880.000 đồng.

Đối với Tuyết Trinh và anh T từ năm 2017 cho đến tại thời điểm phiên tòa sơ thẩm hôm nay (30/6/2023), không có nợ bất kỳ khoản tiền gốm sứ nào đối với ông B. Hiện tại bà V và ông T còn nợ 118.880.000 đồng, trừ vào số tiền đã trả từ ngày 15/5/2021 (tức 13/5/2021 đến ngày 02/01/2022) tổng số tiền 12.000.000 đồng thì còn nợ tiền gốm sứ 106.880.000 đồng. Ông B giảm cho bà V và ông T số tiền 880.000 đồng cho ông T và bà V là vì chổ quen biết làm ăn với nhau lâu năm nên chỉ yêu cầu trả cho tròn số tiền còn nợ lại là 106.000.000 đồng. Ông B không yêu cầu tính lãi đến phiên tòa sơ thẩm, sau khi bản án có hiệu lực mà không trả thì ông T và bà V phải chịu tiền lãi theo luật quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà V trình bày, ông T có tên gọi khác là Sơn, gia đình bà gồm có bà, ông T, 01 cháu nội, 01 cháu ngoại và chị T sinh sống chung nhà, còn anh T sinh sống tại nhà cha mẹ ruột. Ông T kinh doanh đồ cổ, bà V mua bán đồ gốm sứ cổ xưa và vàng giả tại nhà đang ở. Việc làm ăn của vợ chồng đều biết với nhau và thu nhập có được đều lo cho cuộc sống gia đình, chỉ có chị T sinh hoạt hàng ngày từ nguồn tiền riêng. Bà V có biết chị T mua đồ gốm sứ của ông B và có đem đồ gốm sứ về để ở nhà bà V.

Ông B khởi kiện đòi tiền gốm sứ còn nợ là không đúng, bà V không quen biết và không có mua bán gốm sứ với ông B. Nếu có mua bán gốm sứ với ông B thì phải có hợp đồng mua bán với nhau, sổ sách ghi chép không khớp số liệu nên mới có việc ông B cho lại số tiền 880.000 đồng, nếu số liệu sổ sách trùng khớp thì bà V cũng không đồng ý trả nợ cho ông B. Vì số tiền 118.880.000 đồng là chị T nợ ông B, do chị T không có khả năng trả nợ cho ông B nên vào ngày 13/5/2021, bà V cầm số tiền 3.000.000 đồng đến đưa cho ông B để trả nợ dùm cho chị T. Theo yêu cầu của ông B nên bà V có viết nội dung xác nhận nợ 11.880.000 đồng và cam kết 15 tây hàng tháng trả 3.000.000 đồng. Về chữ ký tên của nội dung xác nhận nợ tiền là không đúng nhưng không yêu cầu trưng cầu giám định, còn chữ ký tên cam kết trả nợ 15 tây hàng tháng thì đúng chữ ký tên của bà V.

Bà V xác nhận trong tháng 5 năm 2021, chỉ một lần duy nhất trả cho ông B số tiền 3.000.000 đồng. Thời điểm ký nhận nợ ngày 13/5/2021 là không biết chị T sẽ bị bắt tạm giam, có kết sổ sách với ông B nên có điện thoại về và được chị T xác nhận số liệu 118.880.000 đồng còn nợ là đúng nên bà V mới viết cam kết trả tiền. Sau khi ký nợ xong thì đến ngày 17/7/2021 chị T bị bắt về tội tiêu thụ đồ gian.

Tại phiên tòa sơ thẩm, **ông T thống nhất với lời khai của bà V và không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình.** Ông T cho rằng, họ tên khai sinh là Nguyen Thanh T, ở nhà có tên gọi khác là Sơn. Ông T kinh doanh đồ cổ, bà V mua bán đồ gốm sứ cổ xưa và vàng giả tại nhà đang ở. Việc làm ăn của vợ chồng đều biết với nhau và thu nhập có được đều lo cho cuộc sống gia đình, chỉ có chị T sinh hoạt hàng ngày từ nguồn tiền riêng. Ông T có giới thiệu con gái là Trinh tới ông B mua đồ gốm sứ nhưng không biết nợ bao nhiêu.

Việc ông B khởi kiện đòi tiền gốm sứ là không đúng, vì ông T không quen biết và không có mua bán gốm sứ với ông B, không có chữ ký tên của ông T (tứ là Sơn) trong sổ sách ghi chép. Ông T xác nhận lời khai của phía ông B ghi chép sổ sách gồm: ngày 15/5/2021 bà V trả 3.000.000 đồng; ngày 15/6/2021ông S trả 3.000.000 đồng; ngày 30/10/2021ông S trả 2.500.000 đồng; ngày 05/12/2021 bà V trả 2.000.000 đồng và trả lại bộ tách trị giá 500.000 đồng thì bà V trả 2.500.000 đồng; ngày 02/01/2022ông S trả 1.000.000 đồng. Trong số liệu này, ông T xác nhận có đem tiền trả cho ông B số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 2.500.000 đồng và đồng ý với sự xác nhận của ông B 02/01/2022ông S (tức là ông T) trả 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thành vắng mặt và không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Ông Thành đã được tống đạt văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm lần nhất vào ngày 08/5/2023 và phiên tòa lần hai vào ngày 09/6/2023 để tham gia phiên tòa ngày 30/5/2023 và phiên tòa lần hai vào ngày 30/6/2023 nhưng vắng mặt, không lý do. Lời khai của anh T được công bố tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vắng mặt theo lời khai ngày 07/3/2023 và không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Lời khai của chị T được công bố tại phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu:** Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định.

Về nội dung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "*Đòi tài sản*" phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản từ năm 2020; bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Chị T vắng mặt theo đơn; anh T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T theo luật định.

[2]. Ông B yêu cầu ông T và bà V thanh toán tiền mua gốm sứ còn nợ lại 106.000.000 đồng trên cơ sở kết sổ hàng hóa được bà V ký nhận nợ ngày 13/5/2021. Hội đồng xét xử xem xét tài liệu sổ sách mua đồ gốm sứ, trả lại đồ gốm sứ và thanh toán nợ thì số tiền 118.880.000 đồng là trùng khớp số liệu sau khi cấn trừ với nhau. Đồng thời, phù hợp với lời khai bà V thừa nhận có viết nội dung biên nhận ngày 13/5/2021 còn nợ số tiền 118.880.000 đồng và cùng ngày có trả nợ 3.000.000 đồng cho ông B; nhìn nhận có cam kết mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, bà V cho rằng nhận nợ thay cho chị T và anh T nhưng không chứng minh được cho lời nại ra này. Phía chị T có lời khai, còn nợ tiền gốm sứ khoảng hơn 100.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác có viết biên nhận nợ hay không. Số tiền nợ gốm sứ này, chị T không có nhờ bất kỳ ai trả nợ thay dùm, không có nhờ mẹ ruộtĐo Thi Tuyet V trả nợ thay, không biết biên nhận nợ ngày 13/5/2021giữa bà V và ông B. Chị T xác nhận không có nợ ông B số tiền 118.880.000 đồng. Như vậy, phía ông B chứng minh được việcông S tức là ông T và bà V mua gốm sứ, bà V ký nhận quyết toán sổ sách phù hợp số liệu và giá cả hàng gốm sứ được thể hiện trong sổ sách ghi chép của ông B là có căn cứ.

Theo sổ sách thì tại thời điểm ngày 13/5/2021, số tiền còn nợ 118.880.000 đồng là đã thanh toán trả nợ cho ông B được 42.000.000 đồng (cụ thể các ngày 28/9/2020 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 10/9/2020 trả 7.000.000 đồng; ngày 31/10/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 21/10/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 20/11/2020 trả 5.000.000 đồng). Sau ngày 13/5/2021, theo sổ sách ghi chép bà V, ông T trả được tổng cộng 12.000.000 đồng (cụ thể ngày 15/5/2021 bà V trả 3.000.000 đồng; ngày 15/6/2021ông S trả 3.000.000 đồng; ngày 30/10/2021ông S trả 2.500.000 đồng; ngày 05/12/2021 bà V trả 2.000.000 đồng và trả lại bộ tách trị giá 500.000 đồng. Tổng cộng bà V trả 2.500.000 đồng; ngày 02/01/2022ông S trả 1.000.000 đồng). Trong số liệu này, tại phiên tòa ông T nhìn nhận có đem tiền trả cho ông B số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 2.500.000 đồng và đồng ý với sự xác nhận của ông B ngày 02/01/2022ông S (tức là ông T) trả 1.000.000 đồng). Đồng thời, tại phiên tòa bà V xác nhận trong tháng 5 chỉ duy nhất 01 lần đem 3.000.000 đồng trả cho ông B. Lời xác nhận này, phù hợp với lời khai phía ông B "theo yêu cầu của bà V ghi cho phù hợp ngày hứa 15 tây hàng tháng trả tiền gốm sứ nên ông B ghi hợp thức hóa số tiền 3.000.000 đồng ngày 13/5/2021 thành ngày 15/5/2021. Thực tế ông B chỉ có nhận 3.000.000 đồng trong tháng 5 năm 2021". Do đó, phía ông B xác định số liệu sau khi cấn trừ thì ông T và bà V còn nợ lại 106.880.000 đồng và yêu cầu ông T và bà V cùng liên đới trả nợ là có căn cứ chấp nhận và là phù hợp các Điều 166, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự.

Ông B giảm tiền nợ gốm sứ 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng) cho ông T và bà V, chỉ yêu cầu trả số tiền còn nợ 106.000.000 đồng. Đồng thời, ông B không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngưng trả tiền theo cam kết cho đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trong thời gian thi hành

án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông B giảm tiền nợ và không tính lãi chậm thanh toán tiền nợ mua tài sản và chấp nhận yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án là phù hợp Điều 440, Điều 357 Bộ luật Dân sự .

Đối với việc ông B xác nhận từ năm 2017 cho đến tại phiên tòa sơ thẩm 30/6/2023, chị T và anh T không có nợ bất kỳ khoản tiền gốm sứ nào đối với ông B. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giao dịch dân sự giữa ông B và anh T, chị T. Dành cho các bên được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà V và ông T liên đới phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Ông B không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí số N^0 0001059, ngày 04/3/2022 của cơ quan Chi cuc thi hanh an Dan S thành phố Vĩnh L, cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng các Điều 166, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; Điều 147, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyen Tien B.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyen Tien B giảm tiền nợ gốm sứ cho ông T và bà V số tiền 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc bà Đo Thi Tuyet V và ông Nguyen Thanh T liên đới thanh toán số tiền hàng gốm sứ theo biên nhận kết sổ ngày 13/5/2021 đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2023), còn nợ lại 106.000.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu đồng) cho ông Nguyen Tien B.

- Đối với việc ông B xác nhận từ năm 2017 cho đến tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/6/2023, chị T và anh T không có nợ bất kỳ khoản tiền gốm sứ nào đối với ông B. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giao dịch dân sự giữa ông B và anh T, chị T. Dành cho các bên được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

II. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí số N^0 0001059, ngày 04/3/2022 của cơ quan Chi cuc thi hanh an Dan S thành phố Vĩnh L, cho ông B.

Bà V và ông T liên đới phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng)

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, ông T và bà V; vắng mặt chị T và anh T. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- TAND cấp tỉnh;
- T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.